TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **40**/2017/DSST Ngày: 11/8/ 2017**.** V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Thanh Miện.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Giáp Thị Thủy- Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐST-DSTC ngày 14 tháng 6 năm 2017, giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: số 442 đường N, phường 5, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Lan P – chức vụ: Tổ trưởng tổ tư vấn tài chính cá nhân- Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh B (theo văn bản ủy quyền số 214/UQ-ACB.Bgi.16 ngày 29/12/2016)- Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1934- Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Thân Thị Thúy Vân – trợ giúp viên pháp lý và bà Giáp Thị Vân – Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+/ Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1999- Vắng mặt;

+/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2002- Vắng mặt;

+/ Anh Nguyễn Hữu Thành Đ, sinh năm 2013- Vắng mặt;
+/ Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 2004- Vắng mặt;
+/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2008- Vắng mặt;
+/ Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 2014- Vắng mặt;
(Đều do bà Đào Thị Đ là người đại diện hợp pháp) - Vắng mặt;
Đều trú tại: thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B.
+/ Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1947- Vắng mặt;
+/ Bà Phù Thị C, sinh năm 1948- Vắng mặt;
Đều trú tại: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh B.
+/ UBND huyện H, tỉnh B do ông Phạm Văn Th– chức vụ Chủ tịch UBND huyện H là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Ngô Tiến D – chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện H (theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2017) - Vắng mặt.
Người làm chứng:
+/ Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1969, vắng mặt.
+/ Chị Ngô Thị T, sinh năm 1979, vắng mặt.
+/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947, vắng mặt.
Đều địa chỉ: thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 02 năm 2017 kèm theo giấy tờ, tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, ng- ời đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Lan P) trình bày nh- sau: Căn cứ Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số BGI.CN.02210714 ngày 21/7/2014. Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là A) cho ông Nguyễn Hữu A và bà Nguyễn Thị Nvay với số tiền gốc là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Cụ thể như sau: KƯNN số 01 ngày 21/7/2014- số tham chiếu: 183819189: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Khách hàng đã trả 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Dư nợ hiện tại: 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Tổng dư nợ của hợp đồng trên tính đến ngày 01/02/2017 là: Vốn gốc: 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng); Lãi trong hạn: 34.638.722đ; Lãi phạt: 242.867đ; Lãi quá hạn: 527.036đ;Tổng công: 315.408.625đ (Ba trăm mười lăm triệu bốn trăm linh tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Khoản vay nói trên được bảo đảm bằng các tài sản sau: Bất động sản tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, địa chỉ: xã M, huyện H, tỉnh B; Chủ sở hữu/sử dụng: Hộ ông Nguyễn Hữu A; Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 274416, số vào sổ cấp giấy: 00812.QSDĐ/605/2001/QĐ.UB(H) do UBND huyện H cấp ngày 26/12/2001, đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu A.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Hữu A và bà Nguyễn Thị N đã mất, người đang quản lý trực tiếp tài sản trên là bà Đào Thị Đ. Trong trường hợp bà Đào

Thị Đ không trả được nợ cho A, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H phát mại tài sản thế chấp nói trên theo hợp đồng đã ký và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 14/7/2017, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A có quan điểm trường hợp bà Đ thanh toán được số tiền gốc mà anh A, chị N còn nợ thì Ngân hàng A đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi của hợp đồng tín dụng số BGI.CN.02210714 ngày 21/7/2014 cho gia đình bà Đào Thị Đ, Ngân hàng yêu cầu bà Đào Thị Đ phải trả toàn bộ tiền gốc là 280.000.000đ, không nhất trí miễn một phần tiền gốc như ý kiến của bà Đ. Ngoài ra Ngân hàng không còn ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A xác định do bà Đ không thanh toán được số tiền gốc và lãi của số nợ anh A, chị Ncòn nợ, vì vậy yêu cầu bà Đào Thị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh của hợp đồng mà anh A, chị N khi còn sống còn nợ của Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm 11/8/2017, cụ thể: gốc là 280.000.000đ, lãi trong hạn là 45.407.444đ, lãi quá hạn là 15.379.778đ và 769.903đ phí trễ hạn. Tổng cộng là 341.557.125 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu năm trăm lăm mươi bẩy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Trường hợp bà Đào Thị Đ không trả được nợ cho Ngân hàng A, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa phát mại tài sản thế chấp nói trên theo hợp đồng đã ký theo quy định của pháp luật.

Bà Đào Thị Đ (bị đơn) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Hữu A (vợ là Nguyễn Thị N), hiện con trai và con dâu bà đều đã mất năm 2016. Gia đình bà có nhận được giấy triệu tập của Tòa án liên quan đến việc Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng trước đây con trai và con dâu bà đã vay. Hiện nay bà là người ở, quản lý tài sản là nhà, đất của anh A, chị N đang ở trước đây mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng để anh A, chị N vay tiền. Ngoài bà ra thì không còn ai là người quản lý, trông nom tài sản là nhà, đất của anh A, chị Ng để lại. Bà cũng là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc các con của anh A, chị N.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà với tư cách là người quản lý tài sản của anh A và chị N để lại phải trả tiền vay mà trước đây anh A, chị N vay của Ngân hàng còn nợ, bà có ý kiến nay bà tuổi đã cao, già yếu không lao động gì được, các con của anh A, chị N còn nhỏ đang đi học. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện khoanh nợ cho gia đình, còn nếu Ngân hàng phát mại tài sản là nhà đất của anh A, chị N để lại mà hiện nay bà đang quản lý thì bà có ý kiến đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để cho các con của anh A, chị N có nhà để ở, để nay mai các cháu lớn sẽ trả nợ. Còn nếu bây giờ Ngân hàng phát mại tài sản thì các con của anh A, chị N không có nhà để ở.

Tại đơn đề nghị ngày 26/6/2017 và phiên hòa giải ngày 14/7/2017 bà Đ có ý kiến: Về số tiền nợ của vợ chồng anh A, chị N với Ngân hàng bà đề nghị xem xét cho bà và các cháu không phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ khi chị N và anh Nguyễn Hữu A chưa thanh toán đồng thời đề nghị ngân hàng

xem xét miễn thêm cho bà và các cháu một phần tiền gốc để gia đình bà và các cháu còn có khả năng thu xếp trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các cháu được ổn định cuộc sống, an tâm học hành.

Bà Phù Thị C và ông Nguyễn Thế C (ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày: ông Cvà bà C là bố, mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N (có chồng là Nguyễn Hữu A), hiện chị N và anh A đều đã mất năm 2016. Trước đây khi chị N và anh A còn sống, ông bà không thấy chị N và anh A nói gì về việc vay tiền của Ngân hàng cũng như việc thế chấp tài sản là nhà, đất ở thôn N cho Ngân hàng. Ông, bà chỉ biết con gái (chị N) ông, bà có tài sản là nhà và đất ở thôn N hiện nay do bà Đào Thị Đ đang quản lý, trông coi để chăm lo cho các con của anh A, chị N. Ngoài ra chị N không còn tài sản nào khác và cũng không có ai quản lý tài sản của anh A, chị N ngoài bà Đào Thị Đ. Ông, bà cũng không có yêu cầu gì về tài sản là nhà, đất của chị N cùng tạo dựng với anh A ở thôn N hiện đang thế chấp tại Ngân hàng A.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị Đ trả khoản tiền do anh A, chị N đã vay của ngân hàng, nếu bà Đ không trả được nợ, ngân hàng đề nghị được phát mại tài sản mà anh A, chị N đã thế chấp tại ngân hàng, ông bà có ý kiến: ông bà không liên quan và không biết gì về khoản nợ mà anh A, chị N vay của ngân hàng, ông bà cũng không có yêu cầu gì về tài sản là nhà, đất của con gái ông bà là chị N đã thế chấp cho Ngân hàng. Việc Ngân hàng yêu cầu bà Đ trả nợ và phát mại tài sản ông bà không có ý kiến gì. Ông bà chỉ mong Ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho các con của chị N có nhà để ở, nay mai các cháu lớn các cháu trả nợ.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện H (ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 274416 cho hộ gia đình anh Nguyễn Hữu A, thôn N qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của hộ gia đình anh Nguyễn Hữu A, thôn N, xã M gồm có: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; Sơ họa ranh giới thửa đất. Năm 2001 gia đình anh A làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất, trong đơn kê khai chủ hộ gia đình (cá nhân): Nguyễn Hữu A, vợ là Nguyễn Thị N, thường trú tại thôn N; làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tổng diện tích 200m2 tại thôn N. Được trưởng thôn (Nguyễn Minh Thành) xác nhận ngày 04/12/2001 và UBND xã M xác nhận ngày 10/02/2001. Đến ngày 26/12/2001 UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số P274416, thuộc tờ bản đồ số 0, thửa đất số 0, diện tích 200m2 mang tên hộ ông Nguyễn Hữu A, tại thôn N, xã M. Căn cứ thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ quy định tại Mục 1, chỉ thị 18/1999/CT-TTg ngày 01/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định: Chủ hộ tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về diện tích đất của hộ mình đang sử dụng thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 274416, diện tích 200m2 cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu A, thôn N, xã M là đúng

quy định tại thời điểm làm thủ tục cấp giấy. Căn cứ khoản 3 Điều 7 thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 16/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính quy định: "Đối với bản đồ địa chính, dạng giấy, sai số độ dài cạnh khung bản đồ không vượt quá 0,2mm, đường chéo bản đồ không vượt quá 0,3mm, khoảng cách giữa điểm tọa độ và điểm góc khung bản đồ (hoặc giao điểm của lưới km) không vượt quá 0,2mm so với giá trị lý thuyết". Việc sai số cho phép khi đo vẽ bản đồ được quy định theo pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Đào Thị Đ vắng mặt vì vậy không có lời trình bày cũng như quan điểm về việc Ngân hàng A có đơn khởi kiện bà Đào Thị Đ và các con của anh A, chị N không phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Đào Thị Đ và các đương sự Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu Đg đều do bà Đào Thị Đ đại diện (là bị đơn và ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chỉ có bà Đ đến Toà án làm việc, tham gia phiên hoà giải, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đào Thị Đ có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do bà Đ sức khỏe không đảm bảo để tham gia phiên tòa và không nắm được quan điểm cụ thể của bà Đ về việc thanh toán nợ, sau đó cũng vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng sức khỏe của bà Đ vẫn đi lại được bình thường, không bị bệnh gì, do bà tuổi cao không có người đưa lên Tòa án vì vậy không thể đến phiên tòa được. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị hoãn phiên tòa của người đại diện hợp pháp cho bà Đào Thị Đ không có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên.

[2]. *Về nội dung tranh chấp:*

Xét việc Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu bà Đào Thị Đ phải thanh toán trả tiền gốc và lãi mà anh A, chị N đã vay của Ngân hàng theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết ngày 21/7/2014 thấy rằng: Qua các chứng cứ cũng như các tài liệu do các đ- ơng sự xuất trình, bản tự khai và lời trình bày tại Toà án, thì năm 2014 anh A, chị N có nhu cầu vay vốn để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, vì vậy có vay của Ngân hàng A số tiền 400.000.000đ,

hai bên thoả thuận thời hạn vay là 60 tháng, với lãi suất theo thỏa thuận được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị N thế chấp tài sản cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (diện tích đất là 200m2, nhà ở 2 tầng, cấp 4, diện tích 80m2) tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, xã M, huyện Hi, tỉnh B, theo hợp động thế chấp số BGI.BĐCN.02180714 ký ngày 18/7/2014 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Giang, số công chứng 623/2014, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Như vậy, hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và anh Nguyễn Hữu A, chị Nguyễn Thị N là hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn, phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 715, 716 Bộ luật dân sự năm 2005. Sau khi thoả thuận và giao kết hợp đồng xong, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao tiền cho bên vay là anh A, chị N, tại Tòa án bà Đ xác nhận nhận anh A, chị N có vay 400.000.000đ và thế chấp tài sản cũng nh- quá trình trả nợ nh- đại diện của nguyên đơn trình bày, nh- vậy đã có cơ sở xác định anh Nguyễn Hữu A, chị Nguyễn Thị N đã nhận tiền vay theo nh- hợp đồng và đã thanh toán đ-ợc một phần gốc và lãi nh- ng-ời đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Như vậy, bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay và phù hợp với điều 473 Bộ luật dân sự năm 2005, vì vậy cần được bảo vệ.

Xét việc Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu bà Đào Thị Đ phải thanh toán trả nợ gốc là 280.000.000đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) mà anh Nguyễn Hữu A, chị Nguyễn Thị N còn nợ, thấy rằng: Sau khi thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho anh A, chị N đầy đủ, sau đó anh A và chị N đã thanh toán được 120.000.000đ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, nhưng đến năm 2016 anh Avà chị N đều đã chết, bà Đào Thị Đ là mẹ đẻ của anh A là người trực tiếp quản lý, trông nom khối tài sản của anh A, chị N để lại và cũng là nhà và đất khi còn sống anh A và chị N đã thế chấp cho Ngân hàng để vay số tiền 400.000.000đ của Ngân hàng. Hàng thừa kế thứ nhất của anh A và chị N gồm có: bà Đào Thị Đ là mẹ đẻ của anh A, ông Nguyễn Thế C, bà Phù Thị C là bố, mẹ đẻ của chị N, các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D, đây là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ đối với tài sản mà anh A, chị N để lại. Đến nay các hàng thừa kế chưa phân định rõ ai là người thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ về tài sản thừa kế mà anh A, chị N để lại. Tuy nhiên, đối với ông C và bà C không có yêu cầu gì đối với tài sản mà chị N để lại và cũng không trực tiếp quản lý, trông nom khối tài sản này, chỉ có bà Đ là người trực tiếp quản lý, trông nom khối tài sản của anh A, chị N để lại và trực tiếp chăm sóc các con của anh A đang sinh sống tại nhà và đất mà anh A, chị N đã thế chấp cho Ngân hàng, vì vậy đối với ông C và bà C đã từ bỏ quyền về tài sản của chị N để lại nên cũng không phải có nghĩa vụ đối với tài sản của chị N để lại. Ngân hàng đã nhiều lần đề nghị bà Đ thanh toán trả số tiền gốc và lãi phát sinh của

số tiền anh A, chị N đã vay còn nợ của Ngân hàng là 280.000.000đ, nhưng bà Đ chưa thanh toán trả cho Ngân hàng được số tiền gốc và lãi nào. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A có căn cứ, cần được chấp nhận, cần buộc bà Đào Thị Đ cùng các cháu Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D do bà Đ đại diện phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc mà anh A, chị N còn nợ là 280.000.000đ.

Xét Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu bà Đào Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ khi chị N và anh Nguyễn Hữu A chưa thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm gồm lãi trong hạn là 45.407.444đ, lãi quá hạn là 15.379.778đ và 769.903đ phí trễ hạn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh A và chị N qua đời, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu người trực tiếp quản lý tài sản của anh A, chị N để lại là bà Đào Thị Đ phải thanh toán lãi cho Ngân hàng, nhưng bà Đ chưa thanh toán cho Ngân hàng được số tiền lãi nào, hiện nay bà Đ vẫn là người trực tiếp quản lý tài sản của anh A, chị N để lại, vì vậy bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà anh A, chị N đã ký kết với Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Xét Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu trong trường hợp bà Đ không thanh toán được số tiền 280.000.000đ mà anh A, chị N còn nợ của Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng tài sản thế chấp thấy rằng, kèm theo hợp đồng vay tài sản mà hai bên giao kết thì hai bên có ký hết hợp đồng thế chấp tài sản số BGI.BĐCN.02180714 ngày 18/7/2014 nội dung anh A, chị N thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất diện tích 200m2 và tài sản gắn liên với đất là nhà ở cấp 4, 2 tầng, diện tích 80m2 tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, ở thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B. Hợp đồng thế chấp đã đ- ợc đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hiệp Hòa và công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Giang. Nh- vậy, hợp đồng thế chấp tài sản số BGI.BĐCN.02180714 ngày 18/7/2014 đ- ợc hai bên thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, đ- ợc thực hiện trong tr- ờng hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng chính là trả nợ gốc và lãi của hợp đồng vay tài sản. Do đó yêu cầu trên của Ngân hàng thương mại cổ phần A là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đối với thửa đất thế chấp nêu trên qua thẩm định thực tế thì diện tích đất thực tế hiện nay là 192,9m2, qua xác minh thửa đất trên gianh giới hiện trạng thửa đất vẫn giữ nguyên như khi thế chấp, các hộ liên kề không có tranh chấp gì. Tài sản phát sinh sau thời điểm thế chấp do năm 2016 bà Đ xây dựng 01 nhà lợp mái tôn trị giá 70 triệu để có chỗ ở cho các cháu.

Bà Đào Thị Đ và các cháu Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu Dg do bà Đ đại diện đều là hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Hữu A và chị Nguyễn Thị N,

hiện nay di sản thừa kế chưa được phân chia, vì vậy bà Đ và các cháu Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D do bà Đ đại diện. Căn cứ vào Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Đào Thị Đ và các cháu Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D do bà Đ đại diện phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc Ngân hàng thương mại cổ phần A với hợp đồng vay tín dụng nêu trên, cụ thể gốc là **280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng),** lãi trong hạn là 45.407.444đ, lãi quá hạn là 15.379.778đ và 769.903đ phí trễ hạn. Tổng cả gốc và lãi là: 341.557.125 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu năm trăm lăm mươi bẩy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

[3]. *Về án phí:* Bà Đào Thị Đ và các cháu Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D thuộc hộ nghèo, người cao tuổi và trẻ em, vì vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D.

[4]. Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn và ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478; 715; 717; 718; 721; khoản 2 Điều 305; Điều 683 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Buộc bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D đều do bà Đào Thị Đ đại diện phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là **280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng)**, lãi trong hạn là 45.407.444đ, lãi quá hạn là 15.379.778đ và 769.903đ phí trễ hạn. Tổng cả gốc và lãi là: 341.557.125 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu năm trăm lăm mươi bẩy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, xã M, huyện H, tỉnh B, theo hợp động thế chấp số BGI.BĐCN.02180714 ký ngày 18/7/2014 tại Phòng công

chứng số 1 tỉnh Bắc Giang, số công chứng 623/2014, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp ngày 21/7/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu Dg đều do bà Đào Thị Đ đại diện.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478; 715; 717; 718; 721; khoản Điều 305; Điều 683 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Buộc bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D đều do bà Đào Thị Đ đại diện phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là **280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng)**, lãi trong hạn là 45.407.444đ, lãi quá hạn là 15.379.778đ và 769.903đ phí trễ hạn. Tổng cả gốc và lãi là: 341.557.125 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu năm trăm lăm mươi bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, xã M, huyện H, tỉnh B, theo hợp động thế chấp số BGI.BĐCN.02180714 ký ngày 18/7/2014 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Giang, số công chứng 623/2014, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp ngày 21/7/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D đều do bà Đào Thị Đ đại diện không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất diện tích 200m2 và tài sản gắn liên với đất là nhà ở cấp 4, 2 tầng, diện tích 80m2 tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0, ở thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B, qua thẩm định thực tế thì diện tích đất thực tế hiện nay là 192,9m2. Tài sản phát sinh sau thời điểm thế chấp do năm 2016 bà Đ xây dựng 01 nhà

lợp mái tôn trị giá 70 triệu. Số tiền thu đ- ợc từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm đ- ợc dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Hữu A, chị Nguyễn Thị N khi còn sống còn nợ tiền gốc và lãi đã vay đối với Ngân hàng, giá trị tài sản bảo đảm còn lại và tài sản phát sinh sau khi thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D đều do bà Đào Thị Đ đại diện tiếp tục quản lý.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu Dg đều do bà Đào Thị Đ đại diện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án là bà Đào Thị Đ và các cháu: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thành Đ, Nguyễn Hữu D đều do bà Đào Thị Đ đại diện vẫn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 12/8/2017 cho đến khi thi hành án xong (theo mức lãi suất t- ơng ứng do Ngân hàng Nhà n- ớc quy định).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn